TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 97/2023/DS-ST
Ngày 09/6/2023
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Huy Mân;
2. Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 575/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S *(*S1*). Địa chỉ:* 2 N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D *– Chức vụ: Tổng Giám đốc* Ngân hàng S1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G *- Chức vụ: Giám Đốc* Ngân Hàng TMCP S *–* Chi Nhánh T1 *theo giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám Đốc* Ngân hàng TMCP S *về việc ủy quyền ký hợp đồng thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng.*

Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Đức T *– Chức vụ: Phó phòng giao dịch* huyện C. *Địa chỉ:* Tỉnh lộ 875, ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang *(có mặt).*

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ D1*, sinh năm 1997. Địa chỉ:* Ấp H*, xã Hội Xuân,* huyện C, tỉnh Tiền Giang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày ghi ngày 19/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần S ***ủy quyền cho ông*** Nguyễn Đức Trung đại d ***trình bày:***

Ngày 22/03/2022, bà Trịnh Thị Mỹ D1 có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh T1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của Bà Trịnh Thị Mỹ D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà Trịnh Thị Mỹ D1 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trịnh Thị Mỹ D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 4.441.812 đồng, tiền phí là 1.105.339 đồng. Tính đến ngày 15/09/2022, bà Trịnh Thị Mỹ D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 2.300.000 đồng (trong đó: tiền vốn là 912.221 đồng, tiền lãi và phí là 1.387.779 đồng), kể từ đó đến nay, bà Trịnh Thị Mỹ D1 ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện nhưng bà Trịnh Thị Mỹ D1 vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bà Trịnh Thị Mỹ D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 15/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 09/6/2023 (ngày xét xử), bà Trịnh Thị Mỹ D1 còn nợ Ngân hàng số tiền 44.787.158 đồng (dư nợ 33.247.151 đồng và lãi quá hạn 11.540.007 đồng). Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Trịnh Thị Mỹ D1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 44.787.158 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày 10/6/2023, nếu bà Trịnh Thị Mỹ D1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi quá hạn theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 22/03/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bà Trịnh Thị Mỹ D1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Trịnh Thị Mỹ D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2, không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị Mỹ D1 trả số tiền vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Trịnh Thị Mỹ D1 vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Quan hệ cho vay tiền giữa Ngân hàng và bà Trịnh Thị Mỹ D1 có lập thành văn bản là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/03/2022, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật công nhận.

3.2. Bà Trịnh Thị Mỹ D1 đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Tính đến ngày 09/6/2023 (ngày xét xử) bà Trịnh Thị Mỹ D1 còn nợ số tiền 44.787.158 (có bảng kê kèm theo) nên Ngân hàng yêu cầu trả tiền còn nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về tiền lãi: Xét Ngân hàng yêu cầu kể từ ngày 10/6/2023 nếu bà Trịnh Thị Mỹ D1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà Trịnh Thị Mỹ D1 vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Trịnh Thị Mỹ D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả Ngân hàng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức

tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc bà Trịnh Thị Mỹ D1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 44.787.158 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày 10/6/2023, nếu bà Trịnh Thị Mỹ D1 không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng thì phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 22/3/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Mỹ D1 phải chịu 2.239.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 1.667.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016892 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phúc